TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2019/HNGĐ-PT Ngày: 09-01-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Ông Lê Thọ Viên

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mỹ Tây - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2018/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án sơ thẩm số 1574/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6276/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Mộng V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 78/20/6 Đường số A, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 6D T 25, Tổ 29, Khu phố 2, phường X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Quốc T - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn bà Hồ Mộng V trình bày:

Bà và Nguyễn Trung T đăng ký kết hôn năm 2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/7/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Trung Quốc B, sinh ngày 17/3/2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông Nguyễn Trung T cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Trung T trình bày:

Ông xác nhận việc kết hôn và con chung đúng như bà Hồ Mộng V trình bày. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà V, ông đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Trung Quốc B, sinh ngày 17/3/2017. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Hồ Mộng V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 1574/2018/HNGĐ-ST ngày 31/10/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Công nhận bà Hồ Mộng V và ông Nguyễn Trung T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/7/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L cấp cho ông Nguyễn Trung T và bà Hồ Mộng V chấm dứt khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Trung Quốc B, sinh ngày 17/3/2017. Ông T phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng một tháng cho đến khi con trưởng thành (cả hai con là 2.000.000 đồng/tháng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của Ông T. Nếu Ông T lạm dụng việc thăm nom con để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Ông T.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/11/2018, ông Nguyễn Trung T nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Trung T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được nuôi một con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 với lý do bà Hồ Mộng V không có khả năng nuôi cả hai con, hiện tại bà V đang chăm sóc cháu nhỏ tên Nguyễn Trung Quốc B mới hơn một tuổi sẽ rất vất vả nên ông muốn san sẻ trách nhiệm nuôi con với bà V. Về điều kiện kinh tế, ông có chổ ở và nghề nghiệp ổn định đủ khả năng nuôi con. Nếu được nuôi con, ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà V nuôi con, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/cháu/tháng).

- Nguyên đơn đề nghị được tiếp tục nuôi hai con chung.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Về điều kiện kinh tế, ông Nguyễn Trung T đủ khả năng nuôi con. Về chổ ở, Ông T sống chung với gia đình, không phải thuê trọ như bà Hồ Mộng V. Căn cứ các điều kiện trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ông T, giao con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 cho Ông T nuôi dưỡng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Trung T làm nghề lái xe không ở nhà thường xuyên nên không chăm sóc con chu đáo bằng bà Hồ Mộng V. Hiện tại bà V đang nuôi cả hai con tốt, nếu giao mỗi người nuôi một trẻ sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ, do đó án sơ thẩm giao hai con chung cho bà V nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về việc cấp dưỡng, tại phiên tòa phúc thẩm Ông T tự nguyện tăng mức cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/cháu/tháng). Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung T, sửa bản án sơ thẩm ghi nhận Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/cháu/tháng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Trung T kháng cáo yêu cầu được nuôi một con chung, các nội dung khác không có đương sự nào kháng cáo. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, phạm vi xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/7/2013 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L thì hôn nhân giữa bà Hồ Mộng V và ông Nguyễn Trung T là hôn nhân hợp pháp, có hai con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Trung Quốc B, sinh ngày 17/3/2017.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trung T yêu cầu được nuôi trẻ Nguyễn Trung Quốc A, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Đối với con chung, bà Hồ Mộng V và ông Nguyễn Trung T đều yêu thương con, đều muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi là nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ nên cần xét đến hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn để quyết định giao con.

Theo bà V khai, bà có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập hàng tháng. Ông T cho biết ông cũng có điều kiện tốt đảm bảo cuộc sống cho con. Tuy nhiên, như trên đã nhận định, việc giao con cho ai nuôi đều phải vì lợi ích của trẻ.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về việc làm, thu nhập và chổ ở, cả hai vợ chồng cùng có điều kiện như nhau. Tuy nhiên, xét về hoàn cảnh thực tế thì bà Hồ Mộng V đủ điều kiện lo cho con, có giờ giấc thuận lợi trong việc đưa đón và chăm sóc con. Và trên thực tế bà V đã quen thuộc với thói quen, cách ăn uống sinh hoạt của con nên cháu Nguyễn Trung Quốc A được bà V chăm sóc tốt không có vấn đề gì cần lưu ý. Đồng thời, tại phiên tòa, Ông T xác nhận hàng tuần ông vẫn được đến thăm con và chở con về nhà ông chơi. Qua đó cho thấy bà V không cản trở quyền của Ông T được thăm nom, chăm sóc con chung.

Do đó án sơ thẩm giao hai con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ vì hiện tại hai trẻ đang sống cùng bà V, giao con cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng sẽ không làm xáo trộn nề nếp sinh hoạt và tâm lý của trẻ.

Từ những nhận định trên, nhận thấy kháng cáo của ông Nguyễn Trung T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Trung Quốc A là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Ông T tự nguyện tăng mức cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/cháu/tháng) nên cần sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của Ông T.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trung T.

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 1574/2018/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận G về việc cấp dưỡng, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Mộng V.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Hồ Mộng V và ông Nguyễn Trung T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Trung Quốc A, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Trung Quốc B, sinh ngày 17/3/2017 cho bà Hồ Mộng V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận ông Nguyễn Trung T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu cho đến khi các con thành niên (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Hồ Mộng V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0029679 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà Hồ Mộng V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

- Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Trung T không phải chịu, được hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001465 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TPHCM;
- Tòa án nhân dân quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên